

Số: 13/QĐ-MNHQ

Hồng Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN quý IV và 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Hội đồng trường Mầm non Hồng Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN quý IV và 6 tháng cuối năm 2025 của trường MN Hồng Quang, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình.

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Giao cho Bộ phận Tài vụ phối hợp với các tổ bộ phận chuyên môn, các bộ phận có liên quan tổ chức công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Ban Giám hiệu, bộ phận tài vụ, và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KTHT&ĐT;
- Phòng VH-XH
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phan Thị Minh Thu

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường MN Hồng Quang

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý IV năm 2025	Ước thực hiện/dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
4	Thu sự nghiệp khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp từ nguồn học phí				
2	Chi quản lý hành chính				
3	Chi sự nghiệp khác				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.099.090.000	2.661.906.424	32,9	140,4
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.099.090.000	2.661.906.424	32,9	140,4
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.099.090.000	2.661.906.424	32,9	140,4
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.807.113.000	1.855.518.424	27,3	132,9
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.291.977.000	806.388.000	62,4	161,5
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hồng Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Phan Thị Minh Thu

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường MN Hồng Quang

Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025	Ước thực hiện/dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
4	Thu sự nghiệp khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp từ nguồn học phí				
2	Chi quản lý hành chính				
3	Chi sự nghiệp khác				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.099.090.000	4.254.212.824	52,5	128,4
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.099.090.000	4.254.212.824	52,5	128,4
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.099.090.000	4.254.212.824	52,5	128,4
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.807.113.000	3.446.404.824	50,6	124,0
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.291.977.000	807.808.000	62,5	151,2
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hồng Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Phan Thị Minh Thu